

Chương 4

NGẬM LỜI, MỘT THUỞ...

Hóa ra Đào Nương, cô bé ca nhi bị giặc hiếp trên đường ra ải Phá Lũy và sau trở thành vợ Phi Bảo, cũng là người họ Đào ở Đào Xá. Khi Bảo kể cho cha nghe câu chuyện xưa, Phi Khanh thở dài bảo “...con hạ tay dao không cứu cô ta, một phần vì cha. Vậy, cả cha con mình đều can thiệp. Nhưng tại sao giờ con nói với cha”. Bảo thưa “ Vì bị ám ảnh. Hình như nếu không theo cha để phụng dưỡng, có lẽ con đã đưa cô ta về xuôi...”. Khanh lại dặn “ ...đâu đã muộn. Con đi tìm cô ta đi. Rồi một ngày nào đó con đưa cô ta về. Chỉ thế, con mới nên người. Đi, thôi đi ngay đi...”. Sau đó mấy hôm, Bảo dò tìm và lên đường. Khi ấy Đào Nương ở với người chị đã lấy chồng. Gặp Bảo, Đào Nương sầm mặt xuống, đi vào không chịu tiếp. Bảo ngồi lì ở cửa suốt ba hôm, rút cục người chị vào kể lại cái hoàn cảnh chàng theo hầu cha trên đường đi đày, không thể động tay động chân làm gì được. Đào Nương chịu gặp Bảo, nhưng thấy mặt là òa lên khóc. Nàng nức nở hỏi “... Đến đây làm gì?”. Bảo đáp, đã xin với cha cho chàng cưới Đào Nương làm vợ. Đào Nương lắc đầu “ Không. Em có còn trinh tiết gì mà lấy! ”. Bảo ứa nước mắt, nói chữ trinh kia cũng có năm bảy đường.

Ngày về đến Nhị Khê, Bảo và Đào Nương chỉ thấy có điêu tàn. Nhà cửa, ruộng đồng ngơ ngác. Hàng dân phu dạt đến độ trên những cánh đồng sũng nước đám cỏ trắng lênh khênh đi lại như chỗ không người. Họ hàng nhà Bảo kể lại chuyện Viễn ám toán Thượng Thư Hoàng Phúc và khuyên nên đi ngay. Đào Nương đòi về Đào Xá. Khi ấy, cái chuyện Đào Nhi dùng trâm đâm Hoàng Phúc đã xảy ra. Trong thôn, không còn ai dám hát, đám ca nhi tứ tán. Ông chú Đào Nương, tên Đào Phương, dân làng gọi là Đào lão, mắt đã lòa. Lão kiếm ăn bằng cách bắt ếch nhái, bữa đói bữa no, sống vạ vật như thú hoang. Bảo và Đào Nương đưa ông cùng đi về Thanh Hóa dịp đó.

Dự định trông chèo như Bảo đã kể với Trãi từng bước thành hình. Và thành công hơn mức tính toán. Chỉ đến năm thứ hai, Bảo và Đào Nương đã qui tụ được gần trăm nóc gia quanh hai cái đồi chèo ở tả ngạn sông Lam. Nhờ biết tiếng Tàu, Đào Nương giao dịch thẳng với đám quan nhà Minh, thuế đóng chỉ độ một phần ba tiền bán chèo, đường kinh doanh tương đối thuận lợi. Đến năm thứ ba thì khác. Đám sai nha cho người vào đếm từng gốc chèo, ước lượng giá bán rồi đòi thu đến hai phần ba. Bảo bàn với dân trại chèo rút sâu vào mé biên giới Lão Qua, nhưng việc chưa ngã ngũ. Đám tráng niên tìm cách giấu một phần lượng chèo hái được trong rừng, có kẻ sửa soạn giáo mác. Việc sinh nhai ngày một khó, đã có người chán bỏ đi, số còn lại nhần nhục chịu đựng. Ít lâu sau, nghĩa quân Lam Sơn liên lạc với Bảo, đề nghị bảo vệ trại chèo chống sưu thuế nhà Minh. Năm thứ tư, sai nha và đám lính Tây đô bị nghĩa quân chặn

đánh khi vượt Mùng Thôi đi vào vùng sông Lam. Bảo biết tình thế, xin với nghĩa quân cho lập một đội tự vệ, và đóng nửa lượng chè hái mỗi năm góp vào việc đại sự.

Đứng sau hãn một lần ranh bạn - thù, người cả trại chè phập phồng, trừ Đào Nương. Trái với cách nghĩ thường tình, Đào Nương phẩn chấn ra mặt. Cùng với Đào lão, Đào Nương chế biến hát giặm dân gian thành những thể điệu có tính thời sự. Tiếng giặm có nghĩa là điền vào một chỗ thiếu, và hát giặm thường gồm những câu năm chữ, vẫn ở cuối câu, cứ hai câu cuối mỗi đoạn lại lấy cả ý lẫn lời. Bài sau được hàng dân hai vùng Nghệ Tĩnh hàng trăm năm sau cũng còn người hát:

Trời chưa phong quang
Giặc Ngô đó, trời chưa phong quang
Em đánh tiếng thưa sang
Trời chưa mở rộng phong quang
Thì đợi chi hỡi chàng
Mà còn ở lại đây
Mà còn ngồi bó tay
Tình đó với nghĩa đây
Giống như đọ nước đầy
Bung nhún nhún trên tay
Thu chưa về, đông tới
Còn bóng giặc, chim bay
Còn bóng giặc, chim cũng phải bay
Bớ chàng, chàng có hay?



Nhận được tin Đạo Khiêm báo về Mùng Thôi, Hãn sốt ruột sai người đi thẳng vào trại chè liên lạc với Phi Bảo. Nghe xong, Bảo vội vã thu xếp lên đường vào Trường Yên. Hai ngày sau, Bảo vào chùa Thiên Chính. Đạo Khiêm buồn bã lắc đầu:

- Bàn tăng không hiểu... Cái buổi tối hôm ấy, thỉnh linh đường huynh ngã vật xuống, tính mạng tưởng như tuyệt...

Không đợi Đạo Khiêm dứt lời, Bảo ngắt:

- Xin thầy cho vào xem sao...

Khiêm niệm A di đà, đi trước. Vào trái sau ở mé Đông, Khiêm lần tràng hạt chậm rãi bước. Một tiểu đồng tiến lên mở cửa. Lọt sáng bên ngoài ủa vào, yếu ớt phớt lên vách đất một giải mờ hư ảnh. Theo sau Đạo Khiêm, Bảo đến cạnh một chiếc giường đơn. Nhìn xuống, Bảo quặn lòng. Trãi nằm thiêm thiếp, mắt hờn sâu, nhắm nghiền, hai gò má cao gồ lên như hai trái núi. Bảo ngồi xuống, tay nắm lấy tay Trãi. Bàn tay xương xẩu lạnh ngắt bỗng run nhẹ lên. Nhìn ngực Trãi phập phồng thoi thóp, Bảo khẽ lay gọi. Trãi nhếch mắt, gắng gượng mở ra, rồi lại khép lại. Đạo Khiêm nhẹ kéo tay Bảo. Khi hai người ra đến ngoài sân, Khiêm bảo:

- Đường huynh còn yếu lắm, nhưng không mệnh hệ nào!

Lúc đó, Bảo xin Khiêm kể lại sự tình. Trước khi Lý Tử Cầu dứt lời về cái duyên vượt được u mê qua lần gặp một người đàn bà điên ở sông Cầu, bỗng nhiên Trãi chúi ngã từ mé vực, nhưng áo móc vào một bụi cây, may chưa rơi xuống. Người nhà chùa đỡ ra cứu Trãi lên. Trãi từ lúc đó hôn mê. Đợi Trãi hoàn hồn, Đạo Khiêm hỏi chuyện. Trãi á khẩu, không đáp được. Chàng chỉ nhìn, cái nhìn đã mất hẳn thần triù. Đạo Khiêm thở ra:

- Nam mô cứu khổ cứu nạn Quan Thế Âm Bồ Tát! Cái nghiệp. Cũng từ cái nghiệp mà ra. Trong cõi huyền cơ này bản tăng chẳng làm gì được!

Phi Bảo bậm môi lắc đầu. Tối hôm đó, Bảo ra đứng nơi hòn đá tảng chòi ra bờ vực. Không trăng không sao, trời tối ngòm. Chẳng ai phân biệt được mặt đất này trên đây và vực sâu hun hút dưới kia, nếu không có tiếng gió hú lên và tiếng chân thú đạp lá xào xạc thỉnh thoảng mơ hồ vắng tới. Cơ sự này, không thể để Trãi ở chùa mãi. Vài ngày sau, Bảo xin với Đạo Khiêm đưa Trãi về trại chè.

Lúc ấy, Trãi đôi khi tỉnh dậy. Nhận ra Bảo, ánh mắt chàng có thoáng chút vui, mồm mấp má, nhưng vẫn không nói được một lời. Bảo mừng, thủ thỉ:

- Không sao! Em đưa anh về. Thuốc thang chỉ dăm bữa nửa tháng là khỏi!

Trãi nghe, gượng nhếch mép. Khỏi? Nhưng ta bệnh gì? Cái căn bệnh nằm dưới đáy sông Cầu, giải nước cuốn đi, đến nơi nao rồi? Chèo quơ nước ngược. Rồi bão bùng. Chia ly. Chuyển đồ sang ngang làm sao vào được bến đến được bờ! Nước mắt Trãi lại ứa ra. Bảo lắc lắc lau mặt cho anh, không nói gì nữa.

Thuê phu cáng, hai tuần trăng sau Bảo đưa Trãi về trại chè. Đạo Khiêm chống gậy tiễn một thôi đường. Khi chia tay, Khiêm niệm Phật, rồi ghé vào tai Trãi thì thầm:

- Thí chủ ơi, nếu muốn thì nương mình cửa Phật. Chùa Thiện Chính lúc nào cũng đợi người lành!

Trãi nhìn, khóe mắt biết ơn, tay ra dấu chào Khiêm. Chỉ còn da bọc xương, Trãi khẽ cựa mình trên chiếc cáng cứ bồng bênh trôi nổi như đám mây ẩn hiện

sau những tàn cây rừng xanh thắm. Chưa bao giờ chàng thấy mình yếu đuối đến vậy. Chưa bao giờ chàng thấy mình thừa thãi đến vậy. “ Sao băng, sao băng...”. Tiếng réo gọi sao trời chập chờn ở đâu thoáng lại. Trãi nhắm mắt. Chàng chỉ mong là một vì sao băng mang vệt sáng cuối cùng của một thân phận chẳng níu được vào đâu để tìm ra hy vọng.



Như vậy, cái giấc mơ có người nối dõi của Bảo vẫn chưa thành. Đứa gái út của Bảo và Đào Nương năm nay lên bốn. Khi đẻ nó ra, Đào Nương có vẻ buồn, nhưng Bảo cười, đùa “ Một trăm con trai không bằng cái lỗ tai con gái ” và đặt tên là Nguyễn Phi Anh. Lên một, nó chưa biết đi đã biết nói. Ríu rít cả ngày, trại chè gọi nó là con Vàng Anh, tên một loài chim trong chuyện cổ tích.

Vàng Anh suốt ngày lê la với Đào lão. Cả hai cứ thoát một cái lại vào với Trãi, nay Bảo xếp cho ở một trái nhà. Sau vài tháng về trại chè, Trãi bình phục, xong bệnh á khẩu vẫn không chữa được. Muốn nói điều gì, Trãi phải cầm ngón tay người đối thoại viết chữ. Khổ một nỗi, nếu gặp người mù chữ thì chịu. Đào lão xưa có đi học nhưng bỏ ngang, để hết thì giờ vào chuyện đàn sáo. Còn Vàng Anh, nó phải nhờ Đào lão nói lại mỗi khi trò chuyện gì với Trãi. Cái mối kết tay ba đó tạo ra vô số chuyện ngộ nghĩnh, chính là bởi Vàng Anh. Bắt chước mẹ, nó bịa ra những bài hát, rồi líu lo:

Em với ánh trăng vàng
 Nay đem cho bác cho ông
 Mặt nước vui reo cười
 Tung tăng múa máy trên dòng...

Đào lão thường hấp háy, kéo nhị đệm vào, miệng móm mém cười chỉ thấy lợi. Còn Trãi, Trãi sừng sốt. Chàng nhớ lại những câu hát trong Kinh Thư, mang so sánh rồi giật mình. Những câu hát từ miệng đứa bé bốn tuổi xứ Đại Việt này tuyệt vời, độ chẳng kém gì Kinh Thi của xứ sở xưng mình là trung tâm nền văn minh của quần nhân trên trái đất. Và dĩ nhiên là hơn hẳn những thứ thơ văn sao chép của đám thư lại chỉ biết nhai lại từ phú thi ca Tiền Hán với Thịnh Đường. Hơn ở chỗ nó thật. Nó mang chữ tình như chất keo gắn bó con người vào với nhau. Và gắn bó cả vào với thiên nhiên vạn vật.

Từ bây giờ, Trãi thấy rõ cái giới hạn của chữ nghĩa kinh điển. Chàng thèm nói. Nói được bằng lời khác với viết thành văn tự. Nhớ trong óc là nhập tâm. Nó khác với nhớ qua sách vở, vốn là nhập trí. Văn hóa truyền khẩu có thể truyền không xa, lượng truyền không rộng, nhưng hơn văn tự ở chỗ là truyền sâu vào lòng người.

Trãi ngẫm lại lời mình nói với Đạo Khiêm khi xưa trên chùa Thiện Chính, than rằng bản sắc dân tộc không đủ mạnh, dẫu “ Nam quốc sơn hà nam đế cư ”. Trãi hồi tưởng nổi bản khoán trong cuộc đối đáp với Hoàng Phúc ở Đông Quan. Chàng sợ rằng đã học Luận Ngữ, Trung Dung, thì dẫu nói “ Đạo Thánh có một, nhưng mỗi nơi lại thờ một cách ” để phân biệt ta với người cũng chỉ là nói mạnh. Nói vì phải nói, nói đến cùng hóa há miệng mắc quai? Nay, Vàng Anh đã trả lời câu hỏi này. Rằng không, không phải vậy! Văn tự không thể thay cho những lời hát dân dã. Những câu ca dao tục ngữ hát giặm hát ví mới thực sự chuyên chở đời sống tâm linh của người Đại Việt.

Còn với kinh điển, vấn đề là học gì? Chính cái học có lựa chọn thực hư, đánh giá tốt xấu, sẽ qui định cách thờ Đạo Thánh. Đạo tỏa ra, lan rộng, ngấm sâu thì thành một với đời sống. Đó, gọi là phong tục. Nghĩa là cách làm người với nhau. Và làm người vì nhau. Trong các hành xử đi từ cá nhân đến gia đình, rồi từ làng thôn cho đến cả đất nước, bản sắc của một dân tộc biểu hiện ra. Nó là một thực thể. Nó biến hóa linh động. Nó phát xuất từ quá khứ, nhưng không chỉ lặp lại quá khứ mà là cách mang hiện tại trên bước đường đi vào tương lai cho một cộng đồng.

Ngồi nghe Vàng Anh líu lo, Trãi chợt nhớ một câu hát chàng nghe từ thuở còn nhỏ “ Này ai tát nước bên đàng. Xin đừng múc ánh trăng vàng đổ đi ”. Kinh thi có đâu được một câu thơ đến như vậy. Còn thi nhân, may ra chỉ có Lý Bạch hoặc Vương Duy là có thể đạt cái đẹp đó. Trãi vào mài mực. Ngẫm nghĩ một lúc, Trãi viết “ ...Tứ Thư, Ngũ Kinh chỉ uốn nắn một phần đời sống. Đạo làm người Đại Việt không chỉ ở đó. Bản sắc một dân tộc nằm trong sự sống của dân tộc đó. Nó có trước và vượt trên văn tự. Nó tự khẳng định như một toàn thể. Bản sắc là văn hóa. Và văn hóa của một dân tộc là ngôn từ. Ta giữ được ngôn từ, là ta tồn tại. Ngôn từ mỗi ngày một đẹp là ta tiến hóa. Ngược lại ta giạt lùi. Tụt hậu cho đến khi ta không còn là ta, thì ta nói tiếng người, hát nhạc người, ăn cơm người, nghĩ bằng đầu người. Nghĩa là ta mất văn hóa, chấp chờ thành cái bóng người khác như một hồn ma. Nghĩa là ta không sao bầu vịu được gốc cội của mình ”.

*

Năm Kỷ Hợi (1419), Tổng binh Lý Bân sai làm hộ tịch trên khắp đất Đại Việt. Về mặt binh bị, Bân tiến đánh nghĩa quân ở Đà Sơn, Mường Chánh, Lu Sơn và Vu Sơn. Sang năm Canh Tý (1420), Lê Lợi mai phục ở Bến Bồng đánh tan một đạo quân Minh, lấy được Mường Nanh và Mường Thôi. Lý Bân và Phương Chính phản công, nhưng thua, phải lui về cố thủ Tây Đô. Lợi tiến lên Lỗi Giang, phái Lê Sát và Lê Hào đánh Tây Đô. Hàng dân châu Diên nơi nơi hưởng ứng, khí thế nghĩa quân như điều gặp gió.

Đến năm Canh Sửu (1421), nhà Minh phái bọn Mã Kỳ, Trần Trí và Sơn Thọ vào bình định. Lê Lợi thắng được vài trận phục kích, nhưng nay mất một thế lực đồng minh là quân Lão Qua. Hậu cứ của nghĩa quân Lam Sơn không an

toàn như trước. Lợi vào thế bị kẹp, xoay trở rất khó khăn, ảnh hưởng trong dân gian càng ngày càng giảm. Trong tình thế ấy, Trần Nguyên Hãn ngược sông Lam đến Lư Sơn gặp Lợi vào buổi lập thu. Sau khi bàn bạc xong xuôi, Hãn tiếp tục đi vào trại chè thăm Trãi. Hà Trí Viễn xin theo.

Khu nhà nằm giữa hai ngọn đồi chè khoảng trăm nóc gia, chia thành thôn thượng và thôn hạ. Phi Bảo hớn hờ đón Hãn, và khi biết Viễn là người đi cùng, chàng chấp tay cảm ơn Viễn đã chăm sóc phần mộ tổ nhà mình trong suốt mười năm. Hãn và Viễn đòi đến gặp Trãi ngay. Nhưng khi đó, Trãi và Vàng Anh đi câu trên bờ sông Lam, mãi sẩm tối mới về. Hãn thấy Trãi, chồm dậy nắm vai, mừng mừng tủi tủi:

- Thì vẫn chú đây. Ta đã sợ...

Viễn lừng lững đến cạnh Trãi, nắm tay, miệng ề ề:

- Em cũng sợ... Nhưng em biết rồi bác cũng qua. Người ta có số cả mà.

Trãi chỉ vào miệng, lắc đầu, mỉm cười. Trãi vẫn á khẩu, không nói được. Nắm ngón tay trở của Hãn, Trãi viết vào khoảng không:

- Ngậm lời. Trời bắt vậy...

Cười ha hả, Hãn mượn lời Hàn Dũ, đáp:

- Bất bình tắc minh.

Bấy giờ, Hãn mới thấy những thay đổi trên khuôn mặt Trãi. Xưa, đôi mắt Trãi sắc lẹm, ánh tinh anh lấp lánh trên gò má nhô cao. Nay, đôi mắt đó trở nên trầm tĩnh. Và cái nhìn không giấu được nét u buồn thoáng. Chạnh lòng, Hãn bùi ngùi:

- Chớp mắt mà xa nhau đã sắp hai năm...

Trãi gật đầu, tay chỉ vào miệng rồi lại viết vào khoảng không:

- Thiên hình! Vô ngôn!

Buổi tối, mọi người quây quần chung quanh một mâm cơm đạm bạc. Phi Bảo kể cho Hãn và Viễn nghe tình hình trong vùng. Đạo này, bọn quan quân nhà Minh lại bắt đầu sục sạo, không còn e dè như trước. Hãn dặn phải cảnh giác và phác họa cho Bảo và Trãi hoàn cảnh chung ở Thanh - Nghệ. Lẳng lẳng nghe, Trãi không góp chuyện. Vàng Anh, khi nào cũng ngồi cạnh Trãi, giương cặp mắt tròn to lên nhìn, bi bô bảo đánh giặc cần tiếng hát. Đào Nương suyt con, nhưng Hãn dịu dàng hỏi:

- Hát thế nào?

Nhìn Trãi gật đầu ý khuyến khích, Vàng Anh nói:

- Đào ông đệm cho cháu nhé...

Đợi lên dây đàn xong, nó nhịp tay xuống mặt phàn, miệng cười rồi hát theo điệu Quan họ:

Trèo lên núi dốc
 Dựa gốc cây rừng
 (ôi a), ta dựa gốc cây rừng
 Dưới kia, quân thù dưới kia
 Thù này, (ôi) ta phải trả
 Ta đuổi nó (ôi à là) ta đuổi nó (ôi à)...

Đào Nương bật miệng hát theo. Và rồi đám con gái Phi Bảo cũng đồng thanh cất tiếng.

Hãn ngạc nhiên, nhưng nét vui hiện trên mặt. Hà Trí Viễn ề à hát theo, giọng ồ ồ lảm nhảm khi át tiếng mọi người. Nắm ngón tay Trãi, Hãn viết:

- Lại chú. Trò này của chú hẳn...

Trãi viết, đáp:

- Không. Đệ làm sao nghĩ đến nổi... Là họ đấy. Có được thế, là do hàng dân mà ra cả. Chúng ta là bề nổi. Chiều sâu một dân tộc là ở họ, trong họ. Và sức bật, nó đến từ cuộc sống!

Đến đêm, khi mọi người đã yên ngủ, Hãn nắm tay Trãi viết hai chữ:

- Đại sự?

Trãi lắc đầu. Nắm tay Hãn thật lâu, lòng Trãi quặn xót như sát muối. Hình ảnh Xuyên trên dòng sông Cầu lại hiện ra. Trãi viết:

- Điều kỳ diệu của sự sống là trong từng cái nhỏ nhoi.

Hãn thở dài. Trãi quơ dưới chiếu, hai tay đưa lên cho Hãn một cuốn sách, tựa là Nam Dao chí, mắt sáng lên nhìn. Đỡ lấy, Hãn đọc lời tựa xong, nhìn Trãi dò hỏi. Trãi lại viết:

- Đệ chép xong được bốn trăm câu ca dao và tục ngữ, gói ghém tâm và tình của hàng dân kết tinh từ thế hệ trước qua thế hệ sau. Đây là sự sống, và là cách làm người với nhau của dân Đại Việt. Bây giờ, đệ mới hiểu rằng sở dĩ cha ông ta thời Lý - Trần đánh đuổi được xâm lăng là vì dân ta khác với quân xâm lăng. Đằng sau gươm giáo một cuộc chiến là cuộc xung đột văn hóa. Chính nó mới giải quyết thắng, bại...

Nắm vai Trãi, Hãn buột miệng:

- Chú thấy gì ở cái tâm và cái tình của dân ta?

Trãi lại nắm ngón tay Hãn, viết tiếp:

- Đệ thấy dăm điều... Nhưng đặc biệt nhất là cái khả năng hòa mà không đồng, giống như cây tre trước gió lớn. Cây cong theo chiều gió thổi nhưng khi hết gió, cây lại thẳng mình đứng trong trời đất. Tại sao? Cái hệ “ quân thần,

phụ tử, phu phụ ” nhập vào từ Trung Quốc do bọn nhà nho là để củng cố một Đế Chế tồn tại trong xã hội nông nghiệp. Xã hội này tất phải phụ hệ. Vì nó dựa trên sức mạnh thể chất của đàn ông, thời bình thì đi cày, thời loạn thì đi lính. Nhưng đó đâu phải là lẽ tất nhiên. Huynh xem, lúa thì dân ta đã cấy từ thời cổ đại. Đến khi phương Bắc xâm lăng, những kẻ đứng lên giành lấy độc lập đầu tiên là hai Bà. Thuở đó, đệ nghĩ gia tộc dân Lạc Việt ta đặt trên nền tảng mẫu hệ. Gia tộc phụ hệ có thể chỉ đến trong giai đoạn Bắc thuộc một nghìn năm. Nhưng nó còn nhọt nhạt lắm, hàng dân đâu có từng phục mù quáng.... Huynh thử đọc - Trãi lật Nam Dao chí, tay chỉ - mắt nhìn thúc giục. Hãn ghé chiếc đèn dầu vào gần:

Đàn ông năm bảy đàn ông

Đem bỏ vào lòng cho kiến nó tha

Và rồi không nhin được, Hãn cười ằng ặc khi đọc:

Gái chinh chuyên lấy được chín chồng

Về viên bỏ lọ gánh gồng đi chơi

Không may quang đứt lọ rơi

Bò ra lôm ngôm chín nơi chín chồng.



Mười hôm ở trại chè, Hãn ngạc nhiên thấy quả Trãi đã tách ra khỏi cách suy nghĩ của lớp sĩ nho cùng thời. Mặc dầu còn trọng vọng những Chu An, Hàn Thuyên..., Trãi cho rằng họ quá vội vàng áp đặt hệ tư tưởng nho giáo mà chưa kịp sửa đổi để phù hợp với cái tâm và cái tình Đại Việt. Vì thế cho nên dù có sự tương ứng đồng thanh của Vua nhà Trần, đám nho sĩ chỉ đẩy lùi được đôi chút ảnh hưởng của tầng lữ trong triều đình. Nho giáo đến nay vẫn chưa có tác động tích cực trên đời sông dân gian. Cho rằng hệ Tống Nho với tư tưởng Chu, Trình quá duy lý và cực kỳ khe khắt, Trãi quả quyết rằng mang ra áp dụng vào xã hội ta chỉ sẽ dẫn đến những mâu thuẫn và phân hóa sâu xa. Hãn gật gù nhưng bảo chuyện trước mắt là giặc Ngô chiếm đóng nước ta. Trãi bình tĩnh, nắm tay Hãn, viết:

- Chính giặc sẽ đưa những mâu thuẫn và phân hóa đó đến độ giặc phải thua. Đó là điều không tránh được...

Về phần Viễn, chàng cả ngày học hát làm Vàng Anh cứ cười như nắc nẻ. Thế là sau này, những bài hát giặm, hát ví và quan họ theo phong cách cứu dân chống giặc lan truyền trong nghĩa quân Lam Sơn, trở nên rất phổ biến trong thời kỳ chiến tranh giải phóng. Viễn lại xem địa hình địa vật trại chè rồi bảo Bảo.

- Nói, sợ ông anh buồn nhưng hai cái quả đồi chè trông như hai cái mông đít voi. Thôn thượng và thôn hạ lại kẹp ở giữa, đằng sau là sông, đằng trước là rừng... Tôi bảo thật, thế đất này không tốt. Voi quì thì người trong thôn sẽ ra làm sao? Cái thế Tượng quì này phải phá đi! Muốn phá, đặt một cái miếu tế thần Hỏa ở thôn Hạ. Lừa dí vào đít, ắt voi phải nhôm dậy, quì được thế nào mà quì!

Bảo nghe chỉ cười. Hãn cọt:

- Chú Viễn vừa đánh giấc vừa làm thầy phong thủy, thật mỗi lúc công lực mỗi tăng!

Nhưng sau, Hãn dặn riêng Bảo, khi giấc vào trại chè chắc là đi bằng hai ngã thủy bộ. Một là dọc sông Lam. Hai là từ phía Nam Lư Sơn. Vậy thì Bảo phải tính đường rút cho dân chạy lúc bị truy bức. Đường đó là đường về phía bắc núi Lam. Sửa soạn tích trữ lương khô đề phòng khi nguy cấp là việc tối cần, không trì trệ được.

Tối hôm trước khi chia tay, Hãn hỏi Trãi có muốn về với mình không. Trãi lắc đầu. Một tay đỡ cuốn Nam Dao chí lên, tay kia Trãi chỉ Vàng Anh, rồi viết vào khoảng không:

- Đề định chép thêm dân ca... Con bé cháu và cô em dâu biết rõ âm điệu. Lại còn Đào lão nữa. Thiếu họ không được...

Dẫu chắc không hiểu gì, Vàng Anh nép vào bác như một phản ứng từ linh tính. Nó ngừng lên, cặp mắt đen lay láy tròn xoe, hỏi:

- Con hát tiễn bác Hãn và chú Viễn nhé...

Viễn nhanh nhẩu, ôn tồn bảo:

- Hát đi, hát đi!

Dưới ánh trăng non độ lập thu, tiếng trốngếch bập bùng và tiếng kèn, tiếng nhị luyện lấy giọng hát Vàng Anh. Hát rằng:

Người ơi người ở đừng về...

Người về em những (ơ à) mấy khóc (ơ khóc) thắm

Nhớ ai, nhớ (ôi à) vạt áo

Vạt áo (ấy a) ướt đầm, ướt đầm như (à) mưa

Người ơi người ở đừng về...

Hãn bật nói:

- Đại sự chẳng phải chỉ để giành đất tranh sông mà là để bảo vệ những tiếng hát này!

Trãi nhìn thật sâu vào mắt Hãn. Chàng nhớ lại lời ông ngoại. Khi tiếp Hồ Nguyên Trừng thay mặt Hồ Quý Ly đến Côn Sơn hỏi ý về việc triều chính,

Bằng Hồ tiên sinh bảo “ Cứ xem, cuối hai trăm năm là lẽ tuần hoàn rõ ràng có suy có thịnh. Mệnh trời như thế cũng đổi thay. Hết Lý, đến Trần. Rồi thì cũng phải hết Trần... như một qui luật. Tướng công cứ về nói như vậy với phụ thân cho ta...”. Tháng sau, Hồ Quý Ly tiếm ngôi. Nhưng thay Vua đổi Chúa là thay đổi lớp sơn. Gỗ dưới mới là cái chống được nắng mưa. Chính đám hàng dân, với những lời ca kia, với tình với nghĩa, mới là lớp gỗ này. Và, tốt gỗ hơn tốt nước sơn.

Cầm tay Hãn, Trãi viết lại lời cha chàng trên ả Phá Lũy:

- Vua quan là thuyền, dân là nước. Đưa thuyền đi là nước mà lật được thuyền cũng là nước.

Hôm sau, Trãi đưa Hãn và Viễn đến đầu ngạn Sông Lam. Nhìn Trãi đưa tay vẫy từ xa, Viễn hỏi:

- Hai bác chuyện trò với nhau bằng tay như xắm sờ. Em chẳng hiểu gì sất! Thế sao bác Trãi không chịu theo chúng mình?

- Là vì Trãi đang lo đại sự!

- Bác đừng lỡm em. Đại sự giờ này có đại đầu mục Lam Sơn, có bác và Chích, rồi có bác Xảo và Xa khả Tham. Bác Trãi lo một mình thế nào được?

- Cái đại sự của chúng ta ở trước mắt. Nó là chuyện đuổi giặc. Rồi đuổi được thì lập triều chính. Cái đại sự của Trãi khác. Nó ở ba bốn trăm năm sau.

- ...

- Trãi đang sửa soạn Kinh Thi Đại Việt. Thế là để thay thế cái Kinh Thi của ông Chu, ông Khổng nước Trung Hoa đấy.

- Kinh Thi Đại Việt là cái gì?

Hãn nghiêm mặt hỏi:

- Chú có nhớ bài hát tiễn tối hôm qua không?

Viễn gật. Hãn lại bảo:

- Chú thử hát lại xem!

Ngạc nhiên, Viễn hít hơi lấy giọng, ôm ôm hát. Đợi khi Viễn hát hết câu, Hãn bật cười quàng vai Viễn nói lớn:

- Đấy, Kinh Thi của ta như thế đấy!



Cơn gió bắc đầu tiên báo Đông về năm nay đến sớm hơn thường lệ. Mưa chiều rả rích, khí núi lượn lờ như sắp sửa rơi xuống, và cỏ cây ủ rũ cam chịu với bốn mùa đổi thay của một thiên nhiên nghiệt ngã. Hàng dân trong trại chè cấp nón mê, khoác áo tơ bằng lá gồi, lom khom thấp thoáng như đám cò ở đầu về đầu đầy bến sông Lam.

Cời than bếp cho lửa bùng lên, Trãi bỏ thêm dăm đọi củi ngo rồi ngả người dựa lưng vào vách. Mùi củi cháy thơm lừng, khói tỏa lên không trung một lớp màn xanh mỏng loãng mơ hồ. Siêu nước bắt đầu áp úng sôi, hơi bốc, tiếng nước reo lên mời mọc. Trãi châm đèn rồi pha chè, thứ chè móc câu mới sấy vụ năm nay.

Đêm xuống. Cơn lạnh thấm dần vào cơ thể. Trãi khoác lên vai tấm áo ngự hàn, xoa tay, rồi vắn bác xuống. Ngọn đèn thu mình lại, xanh như mắt mèo nhấp nháy. Tộp một ngụm chè, Trãi nhắm mắt, nhắm nháp vị ngọt chát đọng lại rồi thả cho tâm trí thênh thang vào một cõi không kiềm tỏa, không ý niệm, không tiên kiến. Đột nhiên, chàng nghe bên cạnh tai giọng ai đó văng vẳng:

Loàn đoan ướm hỏi khách lâu hồng

Đằm ấm thì thương kẻ lạnh lùng

Ngoài ấy dù còn áo lẻ

Cả lòng mượn đắp ấm hơi cùng

Trãi mở mắt. Ô hay, rõ là Xuyên đứng bên bếp lửa nhìn chàng, miệng cười giễu cợt:

- Ghê nhỉ, dám ướm hỏi con gái người ta rồi rủ rê đắp ấm với nhau à?

Trãi bẽn lễn, gượng đáp:

- Chắc tại trời bên ngoài lạnh quá...

Xuyên chép miệng:

- Thế bên trong thì sao? Cái lạnh bên trong đây chàng ạ!

Nhìn Trãi tần ngần, Xuyên nói như than:

- Có một thân một mình, lạnh lẽo lắm...

Trãi buột miệng:

- Biết thế thì nàng ở lại, đừng bỏ ta mà đi.

Xuyên lại cười, dịu dàng:

- Nhưng em không ở đây được, chàng ơi! Chàng đi với em vậy...

Dứt lời, Xuyên kéo Trãi. Cả hai vùn vụt biến vào sương đêm trắng đục, gió vù vù thổi ngược bên tai. Trời sáng dần, nhưng là thứ ánh sáng chiều tà. Đến sân một cái đình, trai gái ở đây chen chúc nhau cười nói. Đúng lúc nắng tắt, tiên chỉ làng lუმ khum trong tấm áo nhiễu màu đỏ mào gà bước ra. Ba tiếng trống thùng thùng nổi lên át hẳn tiếng người. Đợi cho trong sân im lặng, cụ tiên chỉ nói “ khai lễ “ và rồi tiếng phèng la từng chập vang lừng. Lại tiếng cười, tiếng gọi. Nắm lấy tay Trãi, Xuyên thì thầm, đừng có lạc mất em. Cả hai đi về rặng ôi cạnh sân đình. Trai gái từng cặp ngồi dưới gốc cây. Tiếng thủ thi. Tiếng rúc rích. Rồi tiếng rên rỉ. Xuyên ghì Trãi xuống, vít đầu hôn tới tấp lên cổ lên mặt. Trãi thì thầm, Xuyên nhớ cái đêm ở góc thành Nam không? Xuyên hỏn hỏn, nhớ chứ, chàng ơi! Chẳng phải nhớ kiếp trước mà ngay cả kiếp này, rồi cả kiếp sau nữa. Trãi lần tay giút giát yếm. Xuyên kêu, nhanh lên, kéo sáng mắt. Trãi thấy sinh lực mình ứ ra như nhựa cây buổi xuân về. Xuyên kêu, nữa, nữa đi. Giời ơi, em chết mất. Tiếng kêu làm Trãi tê điếng, người nhip xuống nháp nhô tựa thuyền gặp sóng.

Giời ơi là giời, em chết mất...

Nghe tiếng kêu, Trãi hiểu rằng chết được trong niềm hoan lạc là hạnh phúc, vô cùng hạnh phúc. Thứ hạnh phúc đó không cần đến vật chất làm khung chống. Thì như thế, xá chi xác thân. Sau niềm hoan lạc sự sống chỉ có thể là cái trống không. Chết mất đâm ra thành cách duy nhất để phủ định cái khoảng trống không kinh hồn đó.

Trãi bừng tỉnh. Ngọn đèn mắt mèo vẫn xanh. Cùi ngo hóa than đang nhấp nháy lụi dần. Chàng định thân, cố nhớ lại. Rồi chàng gọi, Xuyên ơi! Không, không có một ai. Vẫn chỉ tiếng mưa rơi rả rích. Tiếng côn trùng rì rả. Bên cửa sổ, đàn đom đóm bay ngang để lại một vệt lân tinh run rẩy trong gió. Trãi vặn to ngọn đèn dầu, ra cài tấm liếp chặn cửa. Khi vào, chàng mài mực, chép lại câu thơ trong giấc mơ. Viết đến câu cuối, Cả lòng mượn đắp ấm hơi cùng, Trãi bùi ngùi tiếc nhớ. Chàng ao ước làm sao bây giờ mới là lúc chàng đang mơ. Còn cái thực, là với Xuyên, ở cái đình làng nọ, trong tiếng gái trai gọi nhau của một thiên đường vỡ ra như bọt nước .



Tiếng phèng báo động đầu thôn Thượng bỗng chợt rói rít khua lên vào giờ Mùi, tháng Chạp, sau ngày trăng tròn. Phi Bảo tay đang bế Vàng Anh. Vội bỏ con xuống, Bảo nhảy phắt lên ngựa ruổi nước đại. Lên đến lưng chừng đồi chè, Bảo trông thấy đám quan quân nhà Minh đã cập được một chục chiếc thuyền cái

vào bờ sông Lam. Nhìn về hướng Lư Sơn, con đường độc đạo cũng thấp thoáng bóng người.

Bảo vừa phi ngựa xuống đồi, vừa lẩm nhẩm tính toán. Cứ một chục thuyền cái, chúng đã có thể vận chuyển từ hai đến ba trăm lính. Thêm vào đường bộ, tổng cộng lại ước ra đến năm bảy trăm, tức là chúng đông gấp mười đội tự vệ của trại chè. Thế thì đánh chặn, lừa đốt thuyền, cướp thời gian để rút đi, tản người vào miệt rừng phía bắc. Bảo về đến sân trại chính thì đám tự vệ đã nai nịt sẵn sàng. Cách phòng thủ dân trại đã nghĩ sẵn, nên việc điều động không có gì khó khăn. Bảo lấy hai mươi trảng đinh, sắp đặt gùi lửa, dầu đốt và diêm sinh rồi tự mình dẫn họ vượt sông Lam, đi vòng lại tập kích vào đội thuyền giặc. Hai khắc sau, giặc bắt đầu xông vào. Toán tự vệ ở hai nút chặn chốang trả kích liệt, tiếng tên tầm độc rít lên xé không trung giữa tiếng la hét, tiếng rú, tiếng gọi nhau ơi ới.

Đào Nương là người chỉ huy việc tản dân xuống thôn Hạ rồi tất cả rút vào rừng. Dân trại tiếc của, gồng gánh chặn màn thúng mủng nồi niêu. Sợ nên cứ quíu lại, họ quơ bên nọ, quào bên kia, la khóc như vỡ chợ. Không ngờ đến tình huống này, Đào Nương ngăn người ra rồi mím miệng tự tay rưới dầu đốt nhà mình. Nàng quát:

- Bớ bà con, mạng không giữ được thì mang theo được gì? Bỏ lại hết. Chỉ mang chần mùng và dao, rựa. Thế thôi!

Dẫn đám con gái lên đường đi trước, Đào Nương chặt một đẵn tre đực, thúc giục mọi người. Với những kẻ tiếc của dùng dằng, nàng thẳng tay quật, mắt mọng đỏ, miệng kêu:

- Ta đánh mày còn hơn để giặc giết mày!

Đám cháy trong thôn Thượng có một tác động bất ngờ. Khi thấy khói bốc lên, Phi Bảo đang vượt sông Lam khựng lại sợ thôn bị giặc tập kích. Ngẫm nghĩ, Bảo ra lệnh cho đám trảng đinh quay lại không đi đốt thuyền giặc nữa. Hai toán tự vệ cũng hoảng hốt cho người chạy về thôn, xuống tinh thần nên sức chống trả không cương mãnh như lúc đầu. Tuy vậy, tên nỏ có tầm độc vẫn chặn được bước tiến của giặc. Chúng hò hét nhưng không dám liều mạng xông lên.

Đến cuối giờ Thân, lớp phòng thủ đường bộ phải rút về tuyến thứ hai. Bảo ra sức hò hét, bảo trảng đinh có chắc mới bắn vì lượng tên nỏ đã vơi. Lúc đó, Đào Nương ở đâu hiện ra. Bảo quát:

- Nhà nó lo việc di tản cơ mà. Đi, đi...

Đào Nương cười, bình tĩnh đáp:

- Dân thôn Hạ cũng đã đi hết rồi... Bây giờ em thuộc đoạn hậu, thì ở đây chứ còn đi đâu nữa!

- Sao lại đốt nhà!

- Không đốt, người ta tiếc của không đi. Mà giặc vào, mình không đốt, nó cũng lấy, cũng đốt. Nàng lại cười, rồi cất giọng, hát to:

Trời chưa phong quang

Giặc Ngô vào, trời chưa phong quang...

Đám tráng đinh phòng thủ lối đường thủy cũng vừa rút về. Họ nhịp tay hát theo. Tiếng hát chông giặc vang lừng lên khiến giặc ngẩn ngơ không dám tiến. Bảo lườn vợ, mắng yêu:

- Nhà nó đến hay. Lúc phải chạy thì lại đến.

- Thì em lại quay đầu chạy trước nhé.

Nói xong, Đào Nương nhìn Trãi, thưa:

- Bây giờ, xin bác đi với em...

Vẫy tay gọi tráng đinh cẳng theo những người bị thương, Đào Nương đi đến đầu chằm lửa đến đó, miệng lẩm bảm, chúng bay muốn đốt tao cũng chẳng cho. Những bó chè năm nay đã sấy khô bốc cháy, mùi khét lẹt thốc vào mũi ngọt ngạt. Trãi nhìn cô em dâu, lòng bỗng vô vàn cảm phục. Đúng là giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh. Chàng bây giờ tin như đinh đóng cột rằng dầu qua một nghìn năm Bắc thuộc, gia tộc con dân Đại Việt vẫn chưa biến thành phụ hệ như ở Trung Hoa, nơi người phụ nữ bị đè bẹp dưới sự thống trị của tam tông tứ đức. Chợt nhớ ra tập Nam Dao chí, Trãi vội vã chạy vào trái nhà nơi chàng cư ngụ. Bây giờ, ngoài tro than, chỉ còn lại ba hòn đá chụm đầu vào nhau làm bếp.



Ông ơi, trời tối rồi. Chỉ có lửa. Lửa cháy...

Ông ngủ thấy... Nó cháy ở đâu?

Con không biết!

Bây giờ, con quay về phía cuối ngạn sông cho ông?

Chỗ nào là cuối ngạn?

Thò tay xuống nước. Nước xuôi về đâu thì đó là cuối ngạn.

Con biết rồi, phía này là cuối ngạn. Con quay đây...

Quay chưa? Thế bên phải hay bên trái?

Bên nào là bên phải, bên nào là bên trái?

Bên tay cầm dũa là phải.

— ...

Lửa bên tay cầm đũa hay tay cầm bát?

Cầm bát!

Thế là lửa cháy làng ta rồi... Lửa có to không?

Con thấy cả ngọn...

— ...

Ai đốt hả ông?

Ai đốt thì cũng là giặc đốt...

Bây giờ đi đâu? Trời tối đen. Con sợ...

Giá chỉ mình ông, thì ông ngồi xuống đây ông đợi. Đợi tắt cả... Đợi xem trời có mắt không?

— ...

Nhưng ông con mình phải đi. Con còn trẻ dại. Bây giờ, cứ phía đầu ngọn mà đi...

Ông đưa tay con nắm...

Đi ngược chiều nước chảy, đừng có nhầm...

Ông bước nhé...

— ...

Ông có nghe thấy gì không? Tiếng vượn hú. Tiếng sói tru...

Có. Chúng còn xa mình... Nhưng cái đáng sợ không phải là vượn là sói...

Là gì...

Là người. Thế mới khổ!

Con không hiểu...

Con đừng hiểu vội... Cứ đi đi, ngược nước mà đi.

Đi mãi, đi đến đâu ông ơi?

Chỗ đến, ông không biết. Nhưng cứ đi, đi thì xa cái nơi ông con mình không ở được...

Sao mình không ở được, hở ông? Con mệt lắm. Con chỉ muốn ngủ? Mẹ con đâu? Các chị con đâu?

Ta phải tìm họ. Phải đi con ạ... Tai ông vẫn nghe tiếng nước róc rách. Con đừng xa bờ, cứ men nó mà đi... Bỏ cội nguồn là mất hết phương hướng, con ạ!

— ...

Con còn thức không? Phải mở mắt ra mà định hướng.

— ...

Con ơi, hay là con hát lên cho tỉnh ngủ?

– ...

Ông hát nhé, “ Trèo lên quán dốc, ngồi gốc cây rừng, (ôi à) ta ngồi gốc cây rừng... “ con hát theo ông...

– ...

Vàng Anh, Vàng Anh. Tỉnh dậy. Con đi như đi trong một cơn mộng du. Con ơi, ông không còn nghe tiếng nước...

- ...

Vàng Anh, Vàng Anh. Tỉnh dậy. Con ơi, ông không biết con đang bước về đâu? Còn ông, ông đã lòa rồi. Ông chỉ con nghe được. Ông không nghe thấy tiếng nước, ta đang lia bỏ cội nguồn...

– ...

Ông lại hát nhé...

– ...

Tình bằng có cái trống cơm, khen ai khéo vỗ (ôi) bông mà nên bông. Một đoàn (tang tình) con gái ôi mấy lội (lội) sông, ôi (mới a) đi tìm...

Thình lình, tiếng bật hồng rồi cả chục ngọn đuốc soi lên. Một tên giặc quát, tiếng trợ trợ:

- Đây rồi. Một thằng già điên. Và một con bé con...

Đào ông giơ chiếc đàn độc huyền lên cao, hăm he:

- Tao đánh bỏ mẹ chúng mày...

Bọn giặc thấy cảnh bật cười, học lên rồi từng bước sấn lại. Đào ông hét:

- Vàng Anh. Hát lên con. Hát lên để đuổi chúng nó đi...

Lúc đó, Vàng Anh bưng mắt. Nó nghe Đào lão, giọng bí bô cất lên:

- Ấy mấy lội (lội) sông. Ấy mấy (ai) mà đi tìm. Đi tìm (tìm) ai... Đi tìm, tìm ai...



Hai ngày sau khi quân Minh bỏ đi, hàng dân trại chề lại lục đục kéo nhau về. Thôn Thượng và thôn Hạ nay hoang tàn. Kèo cột cháy dở ngu ngơ xiêu vẹo. Gạch ngói đổ nát tứ tung. Tro than bộn bề bám vào mặt đất nhão nhoẹt dưới mưa dầm. Dăm con chó ve vẩy đuôi thấy người về, không sủa mà chỉ kêu lên hình hích.

Người ta bỏ đi tìm những người thất lạc. Tính số, ngoài hai người chết trận, có mười bảy tráng đinh bị thương. Và bốn cụ già chết công trong rừng. Còn lại, cả chục người không thấy tăm tích, trong đó có Đào lão và con bé Vàng Anh. Cả nhà Phi Bảo chia nhau, mỗi người đi về một phương. Xưa, Trãi hay đi câu với Đào lão và Vàng Anh. Chàng men bờ sông Lam đến chỗ thường thả câu nhìn quanh quất. Không thấy bóng dáng ai, Trãi thả bước ngược dòng đi lên. Trong lòng sông, nước xuôi xuống uốn lượn, có chỗ đập vào đá nổi bọt trắng xóa, cuốn đi những xác lá mục chập chờ chìm trôi tăm tích.

Chàng nhìn xuống lối đi đất còn ướt, thấy dẫm dấu chân. Đi thêm, cây mang những vết chém, cành rơi nằm ngang dọc. Trãi dấn bước, lòng hồi hộp, linh tính báo cho chàng điềm chẳng lành. Chàng vạch lá, rẽ cây, mắt chăm chú nhìn trùng trùng. Một lúc sau, Trãi đến một bờ đá đâm ra sông. Trãi đến gần. Một búi tóc bạc dựa vào hốc, mặt hướng ra ngoài. Chạy vội lại, Trãi nhận ra Đào lão. Đầu ông cụ ngoẹo xuống, vạt áo trước ngực máu vấy thâm đen. Chỗ dao đâm, bọng giặc Ngô lại nhét cái cán cây đàn độc huyền đã bị đập nát bậy vào. Trãi cúi xuống. Miệng Đào lão móm mém mở toác ra như kêu như gào trước khi chết. Cặp mắt lòa nay chỉ còn một lớp gân mỡ trắng hếu vô hồn trợn trùng trùng. Một đám kiến bò thành hàng trên mặt lão nay cứng lạnh như gỗ, thân nhiên chui vào miệng, vào mũi, vào lỗ tai. Chúng lúc nhúc bu quanh cái cán đàn, tiếp tục đục khoét vết thương chí tử. Trãi bật dậy. Chàng muốn kêu, nhưng cổ tức lại, thanh âm kẹt cứng yết hầu. Vàng Anh đâu? Chàng nhảy bổ sang bên cạnh. Rồi rúc vào bụi. Vẫn không. Chàng lại sấn tới. Trước mặt là một khoảnh đất thưa cây. Vẫn không. Trãi lại lao lên, cơn sợ hãi khiến chân chàng tê cứng.

Ở bìa rừng, Vàng Anh chơ vơ nằm đó.

Con bé trần truồng, phần hạ thể be bét máu đã đông đặc. Mắt nó mở to, nét kinh hoàng nguyên vẹn, hai tay cào bám xuống bụi cỏ bị đập nhàu. Vàng Anh ơi, hỡi Vàng Anh! Trãi hét lên “ Giời ơi là giời! Giời có mắt không hả giời! ”.

Đó là lần đầu Trãi nói ra lời sau một năm á khẩu. Tiếng hét của Trãi vọng vào vách xuyên qua vực bay theo gió lạnh một mùa đông khắc nghiệt. Gục mặt xuống đất, Trãi cứ hét gào cho đến khi dân trại chề chạy ủa lại.

Đào Nương nhìn con rồi ngất đi. Phi Bảo cởi áo quần lấy xác Vàng Anh bế lên, nước mắt nhòa nhoẹt trên mặt nhưng mím môi không nói một câu. Xác Đào lão đặt trên một cái cang, hai người khênh hai đầu, lầm lũi bước.

Hai ngày sau khi chôn cất những kẻ tử vong, dân trại chề họp nhau lại. Bảo nói:

- Cơ sự này, ai ở lại cứ ở mà làm chè. Tôi phải đi!

Khi có người hỏi đi đâu thì Bảo trở tay về phí núi Lam. Hầu hết đám tráng đinh theo Bảo vào Lam Sơn tụ nghĩa. Đêm hôm đó, Bảo hỏi Trãi:

- Anh có đi không?
- Chú đi trước đi. Rồi sẽ gặp.

Mặt Trãi nay như thép nguội, hai con mắt lại lấy lại tất cả nét tinh anh ngày trước. Trãi mang nghiên bút vào mộ Vàng Anh mới đắp, căng lều ở mười bữa, ngày ngày gò người ra viết. Lần này, sách Bình Ngô thảo bằng chữ Nôm, không điển cố, không chữ nghĩa cầu kỳ. Sách viết rất đơn giản, câu chữ mạnh mẽ. Bởi mọi sự thật đều đơn giản đến hiển nhiên.

Viết xong Bình Ngô sách, Trãi nấu mật rồi chọn cả trăm chiếc lá rừng loại to bản. Bỏ hai ngày trời, chàng lại cầm cúi chấm mật viết lên lá. Viết xong chàng mang đồng lá đến để cạnh một tổ kiến đất.

Một đêm trước khi lên đường, Trãi ngồi thấp hương trên mộ Vàng Anh. Chàng khẩn “đuổi giặc rồi, bác lại chép lại Nam Dao chí cho con. Cái chết của con không vô ích đâu, Vàng Anh ơi! Nó dạy cho bác về thứ hai của việc lấy đạo nghĩa chống hung tàn. Đó là mang trí, nhân thay cường bạo. Vì chỉ có thế thì con người mới tránh được sự hủy diệt của chính con người trong mai hậu”.

Thình lình một con chim cánh chuốt màu lửa từ chân mộ bay vút lên. Cánh chim thành một vì sao tí tắp, muôn đời nhấp nháy với gọi tương lai trong khoảng trời đất vô cùng của những con người khôn khổ.